

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HS-PT  
Ngày: 06-7-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tỉnh

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Quang Sơn

Ông Lê Văn Phận

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 25/2020/HSPT ngày 03 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Trương Văn T, Phan Thiện D do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2020/HSST ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện BD.

*- Các bị cáo bị kháng cáo:*

1. **Trương Văn T** (T), sinh năm 1992 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp TA, xã TT, huyện BD, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 09/12; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Trương Văn Thơm A (sinh năm 1957) và bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1964); tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. **Phan Thiện D** (M), sinh năm 1995 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp TL1, xã TT, huyện BD, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 06/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Phan Văn T (sinh năm 1963) và bà Nguyễn Thị Th (sinh năm 1965); tiền án: không; tiền sự: ngày 08 tháng 3 năm 2019 bị Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; bị cáo tại ngoại, có mặt;

*- Bị hại có kháng cáo:*

Đào Văn L, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp TA, xã TT, huyện BD, tỉnh Bến Tre; (có mặt)

*- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Luật sư Nguyễn Hữu D – Văn phòng luật sư Nguyễn Hữu D – Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre; (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 08 tháng 7 năm 2019, Trương Văn T đi đến nhà ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1952 ngụ cùng ấp để uống rượu. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày T nhìn thấy anh Phan Văn Anh T, sinh năm 1991, nơi cư trú: ấp TL1, xã TT, huyện BD, tỉnh Bến Tre là em rể của anh Đào Văn L, sinh năm 1985 ngụ cùng ấp với T đi ngang. Nhớ lại mâu thuẫn trước đây T nảy sinh ý định gây thương tích cho anh L. T dùng điện thoại di động gọi cho Phan Thiện D đến nhà ông N để gặp T. D đeo khẩu trang y tế, điều khiển xe mô tô biển số xxFx-xxxx, đến gặp T. Gặp D, T nói: “tao thấy người nhà thằng L chạy ngang tao nhớ lại chuyện cũ, giờ đi ra ngoài đó chém nó, mày đi với tao”. Nghe xong, D trả lời: “mày rủ tao ra đám giỗ mà chém lộn gì”. Nói xong, T mượn xe của D chạy về nhà mình lấy hai con dao tự chế và hai cái khẩu trang y tế rồi quay lại gặp D. Khoảng 13 giờ 20 phút T, D đeo khẩu trang, mỗi người cầm một con dao, cả hai đi bộ đến nhà ông Đào Văn T, sinh năm 1962 ngụ cùng ấp với T, là cha ruột của anh L để tìm anh L gây thương tích. T đi trước, D đi sau, cả hai giấu hai con dao phía sau lưng. Lúc này anh L đang ngồi nhậu phía trước nhà của ông Trần Công Th2, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp TL1, xã TT, huyện BD. Anh L không mặc áo, ngồi quay lưng ra ngoài, anh Th2 ngồi đối diện với L. Thấy anh L D xông vào chém một cái trúng vào lưng của anh L rồi bước xuống sân. T xông vào chém một cái trúng vào thắt lưng của anh L. L đứng dậy vấp bậc thềm nhà thì bị T chém tiếp 1 cái, L đưa tay lên đỡ thì bị trúng vào khuỷu tay trái. Thấy L bị gây thương tích, bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1962 là mẹ ruột của L và người nhà can ngăn thì T và D bỏ chạy đến nơi để xe mô tô, D điều khiển xe chở T chạy trốn. Đến khu vực cầu VL thuộc xã TT, T nói D chạy chậm sát vào thành cầu bên phải để T ném hai con dao xuống sông. Sau đó D điều khiển xe chở T đến bến xe buýt thuộc ấp TA, xã TP để T đón xe đi thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 12 tháng 8 năm 2019 T về trình diện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BD.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, anh Đào Văn L có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Trương Văn T và Phan Thiện D.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 233/919/TgT ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận Đào Văn L có các vết thương:

- Vết thương mặt sau khuỷu tay trái hình chữ “C” kích thước 05cm x 04cm đứt gân cơ tam đầu. Hiện vết thương lành sẹo, kích thước 09cm x 0,3 cm: 03%;
- Vết thương dọc giữa lưng khoảng 15cm đã lành sẹo, kích thước 16cm x 0,1cm: 02%;

- Vết thương vùng cụt khoảng 10 đã lành sẹo, kích thước 11cm x 0,1cm: 02%;

Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 07%;

Đào Văn L không đồng ý với kết luận giám định của Trung tâm pháp y tỉnh

Bén Tre và có đơn yêu cầu giám định lại tổn thương cơ thể.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BD trưng cầu Phân viện pháp y quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh tiến hành giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể của Đào Văn L. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 203/19/TgT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Phân viện pháp y quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể từng thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Đào Văn L là: ba sẹo lớn vùng lưng, thắt lưng bên trái và cánh tay trái; vận động khuỷu, cẳng tay trái trong giới hạn bình thường; tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Đào Văn L là 09%. Các vết thương vùng lưng, thắt lưng bên trái và cánh tay trái của Đào Văn L là do vật sắt tác động gây ra.

Quá trình điều tra T và D đã khai nhận cả hai dùng dao tự chế gây thương tích cho anh L. Anh L yêu cầu T và D phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường chi phí điều trị thương tích, tổn thất lao động và tổn thất tinh thần với số tiền 110.327.564 đồng.

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 29-4-2020 của Tòa án nhân dân huyện BD, đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, Phan Thiệu D phạm “Tội cố ý gây thương tích”; Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Thiệu D 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: áp dụng các Điều 288, 357, 468, 584, 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo Trương Văn T, Phan Thiệu D phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Đào Văn L số tiền 34.267.564 đồng. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lỗi suất chậm thi hành đối với tiền phải bồi thường, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10-5-2020 bị hại anh Đào Văn L kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt tù đối với Trương Văn T và Phan Thiệu D. Với lý do: theo nội dung bản án sơ thẩm thì cả hai bị cáo chỉ *chém bị hại 3 nhát*, nhưng theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 203/19/TgT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Phân viện Pháp y quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh thì bị hại *có đến 05 vết thương*, cụ thể: *03 sẹo lớn vùng lưng, thắt lưng bên trái và cánh tay trái*. Các bị cáo dù không có mâu thuẫn với bị hại nhưng *lại có hành vi côn đồ, cố ý gây thương tích cho bị hại, dùng hung khí nguy hiểm tấn công liên tục vào nhiều vị trí trên cơ thể bị hại, đây là hành vi cố tình thực hiện tội phạm đến cùng*, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, cần xem xét áp dụng điểm k khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, vì thời điểm hai bị cáo tấn công, *bị hại hoàn toàn trong tình trạng không có khả năng tự vệ*, vì lúc này bị hại đã say rượu không

còn tinh táo, bị hại ngồi quay lưng ra ngoài và không có bất cứ vật dụng gì để tự vệ đối với hành vi của hai bị cáo. Các bị cáo đến tận nhà bị hại để gây thương tích cho bị hại thể hiện việc quá xem thường kỷ cương, pháp luật. Sau khi gây thương tích bị cáo T còn dùng súng điện bắn vào bị hại và người nhà của bị hại nhằm tẩu thoát khỏi hiện trường, là hành vi hết sức nguy hiểm coi thường pháp luật, sức khỏe và tính mạng của người khác. Sau khi gây án T ném 02 con dao tự chế xuống sông thuộc khu vực cầu VL nhằm phi tang vật chứng và T còn bỏ trốn khỏi địa phương hơn 01 tháng để trốn tránh việc điều tra, đây là hành vi tẩu tán vật chứng của vụ án và bỏ trốn sau khi gây án nhằm gây khó khăn cho Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án. Về bồi thường thiệt hại, yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường thu nhập thực tế bị mất là: 120 ngày x 500.000 đồng/ngày = 60.000.000 đồng. Tổng yêu cầu các khoản: Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa số tiền 11.577.564 đồng, thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc là 1.750.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 06 tháng lương cơ sở là 8.940.000 đồng, thu nhập thực tế bị mất của bị hại là 60.000.000 đồng, tổng cộng là 82.267.564 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại không thay đổi yêu cầu kháng cáo. Các bị cáo khai nhận hành vi phù hợp nội dung bản án sơ thẩm và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị hại.

*Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, Phan Thiện D phạm “Tội cố ý gây thương tích”; theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở phù hợp luật định. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho các bị cáo và xử phạt bị cáo Trương Văn T 01 (một) năm tù; bị cáo Phan Thiện D 09 (chín) tháng tù là tương xứng, không có cơ sở để tăng hình phạt tù đối với các bị cáo nên được giữ nguyên. Về trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo bồi thường tổng cộng 34.267.564 đồng trong đó mất thu nhập của bị hại 15.000.000 đồng là phù hợp nên được giữ nguyên. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị hại giữ nguyên bản án sơ thẩm, cụ thể: Tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, Phan Thiện D phạm “Tội cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Văn T 01 (một) năm tù. Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Thiện D 09 (chín) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng các Điều 288, 357, 468, 584, 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự. Buộc Trương Văn T, Phan Thiện D liên đới bồi thường cho anh Đào Văn L số tiền 34.267.564 đồng. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo tranh luận: Bị cáo T cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm bị hại khai bị chém ba nhát; bị cáo D đồng ý theo ý kiến của bị cáo T.

Bị hại không tranh luận;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại tranh luận: Cho rằng các bị cáo phạm vào hai tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ và Dùng hung khí nguy hiểm” là phù hợp; về thương tích chém ba nhát mà lại có 05 vết thương, chém nhiều nhát là cố tình thực hiện tội phạm đến cùng; khi chém bị hại ngồi quay lưng không thể tự vệ được; bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan điều tra; có nhân chứng thấy bị cáo T cầm vật gì bấm ra điện. Về trách nhiệm dân sự, bị hại cung cấp xác nhận của Cơ sở T mua tôm cá của bị hại trong một tháng để chứng minh cho yêu cầu bồi thường, một tháng bị hại bán là 10.030.000 đồng chia cho 30 ngày là 534.000 đồng/ngày mà chỉ yêu cầu 500.000 đồng/ngày. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị hại.

Lời nói sau cùng: Bị cáo T cho rằng biết lỗi, ăn năn hối cải, yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt; bị cáo D cho rằng biết lỗi.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào lúc 13 giờ 20 phút ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại nhà ông Đào Văn T, thuộc ấp TA, xã TT, huyện BD, tỉnh Bến Tre, Trương Văn T và Phan Thiện D không có mâu thuẫn gì với anh Đào Văn L **nhưng cả hai cùng** có hành vi sử dụng dao tự chế (thuộc dạng hung khí nguy hiểm) gây thương tích cho Đào Văn L với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 09%. Với ý thức, hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, Phan Thiện D **phạm** “Tội cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm a, i (“Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ”) khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

Bị hại kháng cáo đưa ra các tình tiết thể hiện không đồng ý:

- *Cho rằng Bản án sơ thẩm nêu cả hai bị cáo chỉ chém bị hại 3 nhát, nhưng theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 203/19/TgT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Phân viện Pháp y quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh thì bị hại có đến 05 vết thương, cụ thể: 03 sọc lớn vùng lưng, thắt lưng bên trái và cánh tay trái. Tuy nhiên theo lời khai của bị hại (ngày 18/10/2019 - BL 274-277) thể hiện “... Chúng tôi đang ngồi nói chuyện thì tôi bị chém hai nhát liên tiếp vào lưng tôi, tôi đứng dậy quay lại thì thấy thằng T và thằng M cầm dao tự chế đứng bên cạnh tôi, thấy vậy, tôi định chạy thì tụt xuống bậc thềm hành lang, tôi lồm khồm đứng dậy thì T chém tiếp vào người tôi, tôi đưa tay lên đỡ thì bị chém trúng vào tay trái”. Việc giám định có nêu, dấu hiệu chính qua giám định: Ba sọc lớn vùng lưng, thắt lưng bên trái và cánh tay trái. Để làm căn cứ giám định. Thấy rằng, các tình tiết này là*

khách quan, tuy nhiên các bị cáo đồng ý tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại là 09% được làm căn cứ chứng minh về hậu quả mà các bị cáo đã gây ra.

- T còn dùng súng điện bắn vào bị hại và người nhà của bị hại nhằm tẩu thoát khỏi hiện trường. Tuy nhiên theo lời khai của bị hại vào ngày 21/8/2019 (BL270-273) thể hiện: “T bắn súng điện không trúng ai, chỉ hăm dọa ngăn người nhà tôi tấn công T và Đức”. Tình tiết này bị cáo T không thừa nhận.

- T ném 02 con dao tự chế xuống sông nhằm phi tang vật chứng. Thấy rằng, bị cáo T đã ném 02 con dao, tuy nhiên bị cáo thừa nhận vật dùng gây thương tích là con dao tự chế mà bị cáo đã ném bỏ và mô tả hình dạng con dao phù hợp với mô tả của bị hại nên đã xác định vật mà các bị cáo dùng để gây thương tích là hung khí nguy hiểm để xác định hành vi của các bị cáo và xác định tình tiết định khung hình phạt đối với các bị cáo.

- T bỏ trốn sau khi gây án nhằm gây khó khăn cho Cơ quan điều tra. Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại cho rằng đây là suy nghĩ riêng của bị hại. Còn bị cáo T cho rằng sau khi gây án bỏ trốn là do sợ nhưng sau đó ra trình diện.

## [2] Xét kháng cáo của bị hại:

Về yêu cầu tăng hình phạt tù đối với các bị cáo, thấy rằng, khi áp dụng hình phạt tù Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo T đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị hại kháng cáo yêu cầu áp dụng thêm hai tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng*”, thấy rằng khi thực hiện hành vi thì Phan Thiện D chém bị hại trước bị hại bỏ chạy D không chém tiếp, đến Trương Văn T chém bị hại, sau đó có người nhà của bị hại đến nên các bị cáo lùi ra, các bị cáo không còn tấn công tiếp nên bị hại cho rằng các bị cáo “*Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng*” là không phù hợp và tình tiết “*Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được*” thấy rằng bị hại là người khỏe mạnh không thuộc dạng bị hạn chế năng lực hành vi, bị hại có uống rượu nhưng không làm mất năng lực hành vi nên không thuộc dạng “*Người ở trong tình trạng không thể tự vệ được*”. Do vậy, không có cơ sở để áp dụng các tình tiết này (tại điểm e, k khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự) đối với các bị cáo. Các tình tiết khác bị hại đưa ra trong đơn kháng cáo thể hiện các bị cáo thực hiện hành vi mang “*Tính chất côn đồ*” và “*Dùng hung khí nguy hiểm*” đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định là phù hợp. Xét mức hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với mỗi bị cáo, thấy rằng tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại do thương tích gây ra thấp (09%) nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Trương Văn T 01 năm tù và Phan Thiện D 09 tháng tù là tương xứng nên được giữ nguyên.

Về yêu cầu tăng bồi thường mất thu nhập của bị hại (các phần bồi thường khác không kháng cáo). Thấy rằng, theo Giấy ra viện của bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu – Bến Tre thể hiện Đào Văn L vào viện ngày 08/7/2019 ra viện ngày 15/7/2019 (là 08 ngày), tái khám sau 1 tuần. Các toa thuốc bị hại cung cấp thể hiện ngày trên toa thuốc cuối là 22/7/2019, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bồi thường 60 ngày mất thu nhập là có lợi cho bị hại. Về kháng cáo yêu cầu mất thu nhập mỗi ngày là 500.000 đồng trong 04 tháng các bị cáo không đồng ý. Bị hại có cung cấp các hóa đơn viết tay của Cơ sở T mua tôm, cá của bị hại trong một tháng để chứng minh cho yêu cầu bồi thường, tuy nhiên không có chứng thực chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo bồi thường mất thu nhập của bị hại 60 ngày x 250.000 đồng (mức bình quân) = 15.000.000 đồng nên tổng cộng phải bồi thường phần còn lại là 34.267.564 đồng là phù hợp, được giữ nguyên.

Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị hại, cũng như đề nghị của người bảo vệ quyền lợi cho bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[3] Về án phí, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Đào Văn L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 29-4-2020 của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre;

Tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, Phan Thiện D phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

1.1. Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trương Văn T** (T) 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.2. Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phan Thiện D** (M) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 288, 357, 468, 584, 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự;

Buộc Trương Văn T, Phan Thiện D phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Đào Văn L số tiền 34.267.564 đồng (Ba mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi bốn đồng).

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về lãi suất chậm thi hành đối với tiền bồi thường, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện BĐ (3b);
- Công an và VKSND huyện BĐ (2b);
- Chi cục THADS huyện BĐ (1b);
- UBND xã TT, huyện BĐ (1b);
- Bị cáo, bị hại (3b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Tỉnh**